

**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH KON TUM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 532 /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 12 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 338/TTr-STNMT ngày 08 tháng 7 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum (có Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các thủ tục hành chính số 05 điểm II.1, khoản II, mục A; số 01, 02, 03, Khoản I, mục B; số 2 khoản V, mục B Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Công bố các thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung/thay thế và bãi bỏ ngành tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum và thủ tục hành chính số 05, khoản II, mục B Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ ngành tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT-TTHCC.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hòa**



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI  
QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**Phần I:  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.**

STT	Tên thủ tục hành chính
<i>I</i>	<b>Lĩnh vực Môi trường:</b>
01	Thủ tục Chấp thuận về môi trường

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
<b>I</b>		<b>Lĩnh vực Môi trường</b>	
1		Thẩm định, phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với trường hợp đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản và Phương án bổ sung trường hợp thay đổi diện tích, độ sâu, công suất khai thác khoáng sản.	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ
2		Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	
3		Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp giấy xác nhận hết hạn)	
4		Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ	

<b>STT</b>	<b>Số hồ sơ TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính</b>
		chức cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (giấy xác nhận bị mất, bị hư hỏng)	
5		Chứng nhận cơ sở đã hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để theo quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2013 của Thủ tướng Chính Phủ	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Đo đạc bản đồ</b>		
6		Kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính.	Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ

**Phần II:**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. Lĩnh vực Môi trường:**

**1. Thủ tục: *Chấp thuận về môi trường***

<b>Trình tự thực hiện</b>	<p><b>Bước 1.</b> Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận những thay đổi của dự án đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua đường bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30' từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (<i>trừ ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định của pháp luật</i>).</li> </ul> <p><b>Bước 2.</b> Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc (có thông báo nếu hồ sơ chưa đầy đủ hợp lệ để hoàn thiện hồ sơ).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc xem xét, chấp thuận về môi trường được thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến của ít nhất 03 chuyên gia làm cơ sở để cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường xem xét, quyết định.</li> </ul> <p><b>Bước 3.</b> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình hợp lệ</p> <p><b>Bước 4:</b> Chủ dự án nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua đường bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (<i>trừ ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định của pháp luật</i>).</li> </ul>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường bưu chính.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<p><b>a. Thành phần hồ sơ.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Báo cáo về những nội dung thay đổi; các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi; các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường (<i>theo mẫu</i>).</li> </ul> <p><b>b. số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ (<i>bản chính</i>)</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức, cá nhân
<b>Cơ quan thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Cơ quan phối hợp thực hiện (nếu có): Các sở ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn nơi thực hiện.</li> </ul>
<b>Kết quả</b>	Văn bản chấp thuận
<b>Lệ phí</b>	Không
<b>Tên mẫu đơn, tờ khai</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án (<i>Mẫu số 07 Phụ lục VI Mục I Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019</i>);</li> <li>- Báo cáo về những nội dung thay đổi; các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi; các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường (<i>Mẫu số 08 Phụ lục VI Mục I Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019</i>).</li> </ul>

<p><b>Yêu cầu điều kiện</b></p>	<p>Trong quá trình triển khai xây dựng dự án, chủ dự án có những thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường (<i>Trường hợp thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 của Luật này (Tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt), chủ đầu tư dự án phải giải trình với cơ quan phê duyệt và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường</i>) phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và chỉ được thực hiện thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp có bổ sung ngành nghề đầu tư loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thuộc nhóm III Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (<i>đính kèm sau TTHC này</i>);</p> <p>b) Tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ của dự án thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (<i>đính kèm sau TTHC này</i>) mà không thuộc trường hợp phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, cụ thể: Dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Luật bảo vệ môi trường chưa đi vào vận hành phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, bao gồm:</p> <p>a) Tăng quy mô, công suất (mở rộng dây chuyền sản xuất chính, bổ sung công trình, hạng mục chính) của dự án làm phát sinh chất thải vượt quá khả năng xử lý chất thải của các công trình bảo vệ môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;</p> <p>b) Thay đổi công nghệ sản xuất sản phẩm chính của dự án; thay đổi công nghệ xử lý chất thải của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;</p> <p>c) Mở rộng quy mô đầu tư của khu công nghiệp; bổ sung vào khu công nghiệp ngành nghề đầu tư thuộc các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại nhóm I và nhóm II Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (<i>đính kèm sau TTHC này</i>).</p>
<p><b>Căn cứ pháp lý</b></p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014  - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ  - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ</p>

## PHỤ LỤC VI

Mẫu số 07

**Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án đối với trường hợp tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp của dự án đang trong quá trình triển khai xây dựng**

(1)  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

-----  
(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

V/v thay đổi ..... của (2)

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của (2), đã được (3) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại quyết định số ...; địa điểm thực hiện dự án: ...;

Địa chỉ liên hệ của (1): .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; E-mail: .....

Chúng tôi gửi đến (3) ba (03) bản báo cáo những thay đổi (nêu cụ thể việc thay đổi: tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ của dự án hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp) của (2).

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét, phê duyệt những thay đổi nêu trên.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Chủ dự án;
- (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- (3) Cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;
- (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

**Báo cáo những nội dung thay đổi của chủ dự án đối với trường hợp tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp của dự án đang trong quá trình triển khai xây dựng**

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ... ..

V/v thay đổi ..... của (2)

Kính gửi: (3)

Căn cứ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số ngày ... tháng ... năm ... của (2); Chúng tôi là chủ đầu tư của (2) đề nghị thay đổi (nêu cụ thể việc thay đổi: tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ của dự án hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp) của (2), cụ thể như sau:

**1. Những nội dung đề nghị thay đổi:**

1.1. Nội dung đã được phê duyệt (nêu rõ quy mô, công suất, công nghệ, ngành nghề đã được phê duyệt).

1.2. Nội dung đề nghị thay đổi (nêu rõ quy mô, công suất, công nghệ, ngành nghề đề nghị thay đổi, bổ sung).

**2. Đánh giá tác động do việc thay đổi nêu tại mục 1.2 (phải đánh giá chi tiết các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ việc thay đổi).**

**3. Các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh**

3.1. Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường

3.2. Các biện pháp xử lý chất thải phát sinh

**4. Các thay đổi về quản lý, giám sát môi trường**

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Ghi chú:**

(1) Chủ dự án;

(2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

(3) Cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(4) Đại diện có thẩm quyền của (1).



**PHỤ LỤC IIa**  
**DANH MỤC CÁC LOẠI HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CÓ NGUY CƠ GÂY Ô**  
**NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

**Nhóm I**

1. Khai thác, làm giàu quặng khoáng sản độc hại;
2. Luyện kim; tinh chế, chế biến khoáng sản độc hại; phá dỡ tàu biển;
3. Sản xuất giấy, bột giấy, ván sợi (MDF, HDF);
4. Sản xuất hoá chất, phân bón hóa học (trừ loại hình phối trộn); thuốc bảo vệ thực vật hóa học;
5. Nhuộm (vải, sợi), giặt mài;
6. Thuộc da;
7. Lọc hóa dầu;
8. Nhiệt điện than, sản xuất than cốc, khí hóa than, điện hạt nhân;

**Nhóm II**

9. Xử lý, tái chế chất thải; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất;
10. Có công đoạn xi mạ, làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất;
11. Sản xuất pin, ắc quy;
12. Sản xuất clinker;

**Nhóm III**

13. Chế biến mũ cao su;
14. Chế biến tinh bột sắn; bột ngọt; bia, rượu, cồn công nghiệp;
15. Chế biến mía đường;
16. Chế biến thủy sản, giết mổ gia súc, gia cầm;
17. Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử.